

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 4 năm 2018
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VINH PHÚC
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Huệ

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Túc

2. Bà Nguyễn Thị Hồng

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Kim Dung

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên toà: Ông Dương Mạnh Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2018/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2018 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Quang T, sinh năm 1990, (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn: Chị Lương Thị T, sinh năm 1988, (vắng mặt)

Nơi ĐKKH: thôn Đ, xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 02 năm 2018, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Vũ Quang T trình bày:

Anh kết hôn với chị Lương Thị T ngày 29/4/2011 trước khi cưới có tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Y. Tổ chức xong chị T về làm ăn chung sống với gia đình anh ngay. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến hay cãi nhau, chị T bỏ đi từ năm 2016 cho đến nay vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay, hai bên gia đình có giàn xếp nhưng vợ chồng không về

đoàn tụ. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung Vũ Khắc D, sinh ngày 15/12/2011 hiện đang ở với chị T. Ly hôn anh để chị T nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lương Thị T vắng mặt tại phiên tòa trong quá trình giải quyết chỉ trình bày do chị bận công việc không đến tòa án giải quyết được chị đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt chị và chị lựa chọn Tòa án huyện Sông Lô giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh T, chị trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn như anh T trình bày là đúng. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà anh T ở xã Y, đến năm 2012 vợ chồng chuyển vào Ấp 3, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai sinh sống và làm việc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 vợ chồng mâu thuẫn do anh T có người phụ nữ khác bên ngoài chị đã nhiều lần tha thứ và khuyên anh suy nghĩ lại cho vợ chồng hạnh phúc nhưng anh T không thay đổi. Tháng 5/2016 anh T chuyển về xã Y, huyện S, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh T xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có một con Vũ Khắc D, sinh ngày 15/12/2011 hiện đang ở với chị. Ly hôn chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Vũ Quang T và xử cho anh T được ly hôn với chị Lương Thị T.

2. Về con chung: Giao chị Lương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Khắc D, sinh ngày 15/12/2011, hiện đang ở cùng chị, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Không ai được ngăn cản quyền thăm nuôi con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Quang T và chị Lương Thị T là hôn nhân hợp pháp tiến bộ, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện S. Quá trình vợ chồng chung sống theo anh T vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến hay cãi nhau, chị T bỏ đi từ năm 2016 vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, hai bên gia đình có giàn xếp nhưng vợ chồng không về đoàn tụ. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn với chị T. Theo chị T khi cưới vợ chồng sống tại nhà anh T ở xã Y, huyện S, đến năm 2012 vợ chồng chuyển vào Ấp 3, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai sinh sống và làm việc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 vợ chồng mâu thuẫn do anh T có người phụ nữ khác bên ngoài chị đã nhiều lần tha thứ và khuyên anh suy nghĩ lại cho vợ chồng hạnh phúc nhưng anh T không thay đổi. Tháng 5/2016 anh T chuyển về xã Y, huyện S vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh T xin ly hôn chị đồng ý. Ngoài ra chị T có lời khai đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sông Lô giải quyết vắng mặt chị vì hiện nay chị đi làm xa. Do vậy anh T xin ly hôn chị T là có căn cứ phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung Vũ Khắc D, sinh ngày 15/12/2011 hiện đang ở với chị T. Ly hôn chị T xin được nuôi con anh T cũng đồng ý. Do vậy nên giao cháu D cho chị T nuôi dưỡng, việc chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là tự nguyện phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Anh T, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và quyết định.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/

UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Vũ Quang T và xử cho anh T được ly hôn với chị Lương Thị T.

2. Về con chung: Giao chị Lương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Khắc D, sinh ngày 15/12/2011, hiện đang ở cùng chị, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Không ai được ngăn cản quyền thăm nuôi con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Vũ Quang T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: AA/2014/0004676 ngày 22/02/2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Anh T đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THA DS huyện Sông Lô;
- UBND xã Yên Thạch;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ